

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G-TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2023/HNGĐ-ST

Ngày 14/7/2023

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Nguyệt;

Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Nghĩa, bà Trần Thị Lịch

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Quân, Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G: Ông Phùng Đ Dũng, Kiểm sát viên.

Ngày 14/7/2023, tại trụ sở Tòa án huyện G, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm C khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2023/TLST-HNGĐ ngày 14/6/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/6/2023 giữa:

- NgU đơn: Chị Nguyễn Thị Th, sinh năm 1985; Có mặt

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân C, sinh năm 1985; Vắng mặt

Cùng HKTT: Tr, thôn B, xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ngU đơn là chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Xuân C ngày 09/12/2004 tại UBND xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn hai bên có thời gian tìm hiểu nhau ngắn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc tại thôn B, xã B.

Theo chị mâu thuẫn vợ chồng phát sinh vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống từ năm 2014. Vợ chồng nhiều lần xô xát, anh C thường đánh đập chị khiến chị nhiều lần phải đi bệnh viện khâu mắt, khâu tai. Anh C còn đập phá nhiều đồ đạc trong nhà như ti vi, điện thoại. Anh C cũng nhiều lần bóp cổ chị vào đêm khuya. Bố mẹ hai bên đã khU can nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng không sống ly thân vẫn sống chung nhà nhưng chị và anh C sống riêng biệt mỗi người một phòng để tránh anh C bóp cổ chị. Hiện chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nên chị xin ly hôn anh C.

Con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Mai U, sinh ngày 24/9/2005 và Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 01/3/2007. Trước đây chị trình bày cháu U đã lấy chồng nên chị không đề nghị tòa án xem xét việc nuôi dưỡng cháu U. Cháu Đ còn đang đi học chị có nguyện vọng nuôi cháu. Tại phiên tòa chị xác

định cháu U chưa đăng ký kết hôn. Nên chị xin nuôi cả 02 con. Chị chạy chợ và bán hàng online có thu nhập khoảng 10 triệu đồng/ tháng có khả năng nuôi con. Anh C thu nhập không ổn định. Cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu anh C phải đóng góp. Anh C có quyền đi lại thăm con.

Tài sản chung, nợ chung: chị không đề nghị tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn là anh Nguyễn Xuân C trình bày: anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Th năm 2004 tại UBND xã B. Trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu nhau. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc tại thôn B, xã B.

Theo anh, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Do chị Th quen biết với một thanh niên ở Nghệ An từ khoảng tháng 3/2023 qua mạng xã hội nên anh ghen. Vì ghen nên anh đã đánh vợ vài lần, đập điện thoại của vợ 2 lần, lần đập điện thoại gần nhất cách ngày 29/6/2023 khoảng 3 ngày. Tuy nhiên, anh không có chứng cứ nào giao nộp cho tòa án chứng minh chị Th ngoại tình. Gia đình hai bên đã khuyên can anh chị. Anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, vợ chồng vẫn sống chung nhà nên có khả năng đoàn tụ. Do vậy, anh không đồng ý ly hôn. Anh đã xin lỗi chị Th để vợ chồng đoàn tụ. Ngoài xin lỗi thì anh chưa có biện pháp nào khác.

Con chung: anh xác định vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Mai U, sinh ngày 24/9/2005 và Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 01/3/2007. Hiện cháu U đã lấy chồng nên anh không đề nghị tòa án xem xét việc nuôi dưỡng cháu U. Cháu Đ còn đang đi học, anh có nguyện vọng nuôi cháu nếu tòa án cho anh và chị Th ly hôn.

Tài sản chung, nợ chung anh không đề nghị tòa án giải quyết.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Đ là mẹ đẻ chị Nguyễn Th và bà Nguyễn Thị Đ1 là mẹ đẻ anh Nguyễn Xuân C xác định anh C và chị Th kết hôn đúng quy định của pháp luật. Sau một thời gian chung sống thì anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C ghen chị Th. Anh C nhiều lần bóp cổ chị Th. Gia đình hai bên đã khuyên can nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện chị Th xin ly hôn đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh tại UBND xã B xác định chị Th và anh C có đăng ký kết hôn tại UBND xã B. Sau khi kết hôn anh chị có về chung sống với nhau, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận. Tuy nhiên địa phương không biết cụ thể mâu thuẫn của chị Th và anh C. Con chung của anh Nguyễn Xuân C và chị Nguyễn Thị Th là Nguyễn Thị Mai U, sinh ngày 24/9/2005 và Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 01/3/2007 đều được khai sinh tại UBND xã B, huyện G. Tài sản và nợ của anh C, chị Th địa phương không nắm được cụ thể. Nay chị Th xin ly hôn anh C, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án là đúng quy định pháp luật. NgU đơn tham gia phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã chấp hành đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn không có mặt tham gia tố tụng trong vụ án nhưng đã được tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng và có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 9, 19,

51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 28, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; xét xử:

- Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Xuân C

- Con chung: Chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Thị Mai U, sinh ngày 24/9/2005 và Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 01/3/2007. Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Cấp dưỡng nuôi con, tài sản, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

- Án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn cùng có hộ khẩu thường trú tại xã B, huyện G, tỉnh Bắc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án huyện G thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh Nguyễn Xuân C vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đối với anh C theo quy định của pháp luật. Anh C có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2]. Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th và anh Nguyễn Xuân C kết hôn ngày 09/12/2004 được UBND xã B, huyện G cho đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị Th và anh C phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Anh C ghen tuông vô cớ nên đã đánh chị Th, đập phá đồ đạc. Chị Th xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ. Tuy vợ chồng không sống ly thân nhưng vợ chồng không quan tâm đến nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo liệu. Anh C xin đoàn tụ nhưng không có biện pháp cụ thể nào để vợ chồng đoàn tụ. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung Th, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các C việc trong gia đình. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh C đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xử cho chị Th được ly hôn anh C.

Con chung: Chị Th và anh C có 02 con chung là Nguyễn Thị Mai U, sinh ngày 24/9/2005 và Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 01/3/2007. Hiện các cháu khỏe mạnh. Quá trình giải quyết vụ án chị Th và anh C cùng xin nuôi cháu Đ. Tại phiên tòa chị Th xin nuôi cả 02 con. Xét điều kiện nuôi con của chị Th và anh C thấy chị Th có điều kiện nuôi con tốt hơn anh C. Cháu Đ, cháu U cùng có nguyện vọng ở với mẹ nên giao cháu U, cháu Đ cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3]. Án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu về điều luật áp dụng và đường lối xử lý là phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 91, 144, 147, 228; 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, 19, 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th được ly hôn anh Nguyễn Xuân C.

- Con chung: Chị Nguyễn Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Thị Mai U, sinh ngày 24/9/2005 và Nguyễn Xuân Đ, sinh ngày 01/3/2007. Anh Nguyễn Xuân C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Cấp dưỡng nuôi con, tài sản, nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0007193 ngày 14/6/2023, của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tU án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án, VKS tỉnh Bắc Ninh;
- VKS và THADS huyện G;
- UBND xã B, huyện G;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Minh Nguyệt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

